

Số: 164/2019/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;
người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức
bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm
2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính
cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2019 - 2021;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng
11 năm 2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan
hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4
năm 2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 92/2009/NĐ-CP
ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách
đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã; số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi,
bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4
năm 2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; số
108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về tinh giản biên chế; số
113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015
quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử,
tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng*

Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định các công việc không thực hiện ký hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau khi xem xét Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2021; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ đối với những người thuộc diện tinh giản biên chế trong giai đoạn 2019 - 2021 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau:

1. Các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
3. Các tổ chức Hội, các Quỹ được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng tinh giản trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bao gồm:

1. Cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã.

2. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ.
4. Người làm việc trong biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các tổ chức Hội, các Quỹ.
5. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã.
6. Người lao động hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh đồng ý.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (đối với cấp tỉnh, cấp huyện) đã được hỗ trợ kinh phí theo chính sách quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ (trừ trường hợp cán bộ, công chức trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ thuộc diện tinh giản biên chế và trừ trường hợp công chức có nguyện vọng nghỉ công tác để lấy vị trí bố trí cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính).

2. Viên chức, người lao động đã hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành y tế đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

3. Các đối tượng quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hợp đồng sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sỹ ngành sư phạm giảng dạy tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh và các chính sách thu hút khác của tỉnh.

4. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật (đối với cấp tỉnh, cấp huyện).

6. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không tự nguyện nghỉ việc sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương II

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, cấp huyện

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế: Người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ hai mươi năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được tinh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội.

b) Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương.

3. Chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, ngoài chính sách quy định còn được tinh hỗ trợ như sau:

a) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội.

b) Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

c) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Chính sách hỗ trợ nhóm người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nhưng có nguyện vọng

thôi việc ngay (trừ trường hợp các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này): Công chức, viên chức có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ; đối tượng lao động hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh đồng ý nhưng có nguyện thối việc ngay, được cơ quan có thẩm quyền xem xét thì được tính hỗ trợ như sau:

a) Trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.

b) 01 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

c) Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp Sổ bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội; được hưởng chính sách thối việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thối việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ cho công chức cấp tỉnh, cấp huyện có nguyện vọng nghỉ công tác

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Điều kiện áp dụng

Công chức cấp tỉnh, cấp huyện có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản để lấy vị trí bố trí công tác cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

3. Mức hỗ trợ:

a) Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh như sau: Công chức cấp tỉnh, cấp huyện có nguyện vọng nghỉ công tác tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021); Nếu không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì được hưởng chế độ thối việc ngay: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời

gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

b) Trường hợp công chức tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 đủ 57 tuổi 08 tháng trở lên đối với nam và đủ 52 tuổi 08 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tính hỗ trợ nghỉ chờ; trong thời gian nghỉ chờ công chức được hưởng nguyên tiền lương (hiện hưởng) và tiếp tục được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định; Nếu công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tính hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Chương III

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ cấp xã

1. Đối với cán bộ cấp xã dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp và cán bộ của các xã, phường, thị trấn không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính có nguyện vọng nghỉ công tác để bố trí công tác cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

a) Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020.

b) Mức hỗ trợ: Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh như sau: Cán bộ cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc chế độ nghỉ chờ hưu theo quy định hoặc đang hưởng chế độ hưu trí thì được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2020 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 3 năm 2020); Nếu không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc chế độ nghỉ chờ hưu theo quy định thì được hưởng chế độ thôi việc ngay; Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền

quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2020 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 3 năm 2020) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp cán bộ cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 đủ 59 tuổi 05 tháng trở lên đối với nam và đủ 54 tuổi 05 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tính hỗ trợ nghỉ chờ; trong thời gian nghỉ chờ cán bộ được hưởng nguyên tiền lương (hiện hưởng) và tiếp tục được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định; Nếu cán bộ không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tính hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Đối với cán bộ cấp xã được bầu giữ chức vụ tại đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi sắp xếp hoặc cán bộ của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đã được bố trí công tác khác mà có nguyện vọng nghỉ công tác để thực hiện tình giản biên chế

a) Thời gian thực hiện: Từ thời điểm cán bộ cấp xã được bầu giữ chức vụ hoặc bố trí công tác khác đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

b) Mức hỗ trợ: Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh như sau: Cán bộ cấp xã tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định hoặc đang hưởng chế độ hưu trí thì được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021); Nếu không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ đối với công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, tình giản biên chế

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Mức hỗ trợ:

a) Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh như sau: Công chức cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021); Nếu không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì được hưởng chế độ thôi việc ngay: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

b) Trường hợp công chức cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 đủ 57 tuổi 08 tháng trở lên đối với nam và đủ 52 tuổi 08 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tính hỗ trợ nghỉ chờ; trong thời gian nghỉ chờ công chức được hưởng nguyên tiền lương (hiện hưởng) và tiếp tục được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định; Nếu công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tính hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

3. Công chức cấp xã đã được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc ngay theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì được hỗ trợ 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng (tại thời điểm có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền) cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Điều 8. Chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020.

2. Mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 05 tháng tiền lương cơ sở cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở xuống. Từ năm thứ 06 trở đi, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ 01 tháng tiền lương cơ sở.

Chương IV

CÁCH TÍNH HỖ TRỢ, KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 9. Cách tính hỗ trợ

1. Thời gian tính hỗ trợ

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thời gian để tính hỗ trợ là thời gian làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội, các Quỹ được tính hưởng bảo hiểm xã hội và đóng bảo hiểm xã hội (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 03 tháng thì không tính; từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

b) Đối với cán bộ cấp xã có tuổi đời dưới 59 tuổi 5 tháng đối với nam và dưới 54 tuổi 5 tháng đối với nữ hoặc đang hưởng chế độ hưu trí (tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019): Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2020 (trường hợp cán bộ cấp xã đang hưởng chế độ hưu trí thuộc đối tượng hưởng chính sách tại khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết này thì số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021); Công chức cấp xã có tuổi đời dưới 57 tuổi 8 tháng đối với nam và dưới 52 tuổi 8 tháng đối với nữ (tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019): Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021; Các đối tượng còn lại: Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ, công chức cấp xã đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ.

c) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên mà có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 06 tháng thì không tính; từ đủ 06 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn là 01 năm.

2. Tiền lương để tính hỗ trợ

a) Tiền lương hiện hưởng quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết này được tính bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc hoặc theo chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp, như: phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch phụ cấp bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Tiền lương tháng để tính chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điểm b Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản. Đối với những trường hợp chưa đủ 05 năm (60 tháng) công tác thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.

c) Tiền lương cơ sở quy định tại Điều 8 Nghị quyết này được xác định theo mức lương cơ sở tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

1. Các đối tượng thuộc cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội, các quỹ (đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và đơn vị đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên) sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước đã bố trí dự toán, nguồn cải cách tiền lương để giải quyết chế độ, chính sách, phần kinh phí còn thiếu sau khi cân đối các nguồn trên, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu hoặc bố trí dự toán để đơn vị thực hiện.

2. Các đối tượng thuộc các đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị. Đối với đơn vị sắp xếp lại tổ chức theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì cấp quyết định sắp xếp tổ chức xem xét hỗ trợ kinh phí và chỉ được hỗ trợ kinh phí một lần khi sắp xếp.

3. Các đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã do cấp xã sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước, nguồn cải cách tiền lương, phần kinh phí còn thiếu sau khi cân đối các nguồn trên, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu hoặc giao dự toán cho các địa phương để thực hiện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể, chi tiết và tổ chức thực hiện kịp thời.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được cơ quan, đơn vị tổng hợp danh sách, hồ sơ và đang đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Những người đã được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh theo Nghị quyết này nếu được tuyển dụng lại vào các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập thì phải hoàn trả lại số tiền chính sách đã nhận tại Nghị quyết này.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 20 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn